

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 5 - 2018
V/v “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SI MA CAI, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tổng Duy Toán

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Hồng
2. Bà Dương Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Ngọc Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Sùng Thị C, tên gọi khác Sùng Thị Ch, năm sinh 1982

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn P, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H
- Là Trợ giúp viên pháp lý

Địa chỉ đơn vị công tác: Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 1 thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai - Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Ly Seo P, năm sinh 1982

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn P, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai - Có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/3/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Sùng Thị C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh Ly Seo P về chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 10/2000, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, nhưng chị C và anh P không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đến nay chị C và anh P có vi phạm là không đi đăng ký kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình. Chị C và anh P sống hạnh phúc được hơn 10 năm, đến đầu năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P không chịu khó làm ăn, hay đi uống rượu, về nhà lại hay chửi bới chị C và đập phá đồ

đạc trong nhà, tháng 6/2017 chị C đã làm đơn xin ly hôn nhưng anh P đã xé đơn đi, chị C nghĩ thử sống với anh P một thời gian nữa xem anh ấy có thay đổi không, đồng thời chị C và hai bên gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh P vẫn không thay đổi, nên từ tháng 02/2018 chị C đã đưa cháu K về nhà bố đẻ và mẹ kế chị C để ở, đến nay chị C và anh P vẫn sống ly thân, cả hai anh chị không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị C xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ không còn, nên chị C yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P.

- Về nuôi con khi ly hôn: Chị C và anh P chỉ có hai người con chung là cháu Ly Seo T sinh ngày 14/8/2005 và cháu Ly Trung K sinh ngày 11/8/2013. Cháu K còn nhỏ hiện nay đang ở với chị C, còn cháu T đang học và ở nội trú tại Trường Phổ thông dân tộc bán trú xã S, huyện S, khi nhà trường cho nghỉ về nhà thì cháu T về ở với anh P. Nay chị C yêu cầu Tòa án: giải quyết cho chị C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu K cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi; giải quyết cho anh P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu T đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh P đang ở tại ngôi nhà chung của chị C và anh P tại thôn P, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai, nghề nghiệp của anh P là làm ruộng, nương, thu nhập của anh P hiện nay chị C không xác định được. Còn chị C và cháu K đang ở cùng bố đẻ và mẹ kế chị C là ông Sùng Seo V và bà Hằng Thị M ở thôn P, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai, chị C làm ruộng, làm nương, chăn nuôi gà, trâu, thu nhập một tháng của chị C khoảng 4.000.000 đồng/tháng, nên cả chị C và anh P đều đủ khả năng để nuôi dưỡng được con chung bình thường.

- Những tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, Trích lục khai sinh hai con chung, Đơn xin xác nhận (để chứng minh cho yêu cầu ly hôn của nguyên đơn), Đơn xin xác nhận (để chứng minh tổng thu nhập của nguyên đơn và bị đơn), Giấy chứng minh nhân dân (của nguyên đơn), Sổ hộ khẩu gia đình (của nguyên đơn và bị đơn).

2. Đề nghị của bị đơn: Khi Tòa án giao Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập cho anh Ly Seo P, thì anh P đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và anh P có ý kiến là không nhất trí ly hôn nên anh P không đến Tòa án. Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng tiếp theo: Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo hoãn phiên hòa giải; Giấy triệu tập hai lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, nhưng anh P đều vắng mặt không có lý do. Tiếp theo Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng: Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập để anh P tham gia phiên toà xét xử vụ án trên, thì anh P có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Những tài liệu, chứng cứ do bị đơn xuất trình để chứng minh cho đề nghị của bị đơn là có căn cứ và hợp pháp: Bị đơn không có chứng cứ gì để giao nộp cho Tòa án.

3. Tại Biên bản lấy lời khai khai ngày 28/3/2018, con chung của chị C và anh P là cháu Ly Seo T trình bày: Nếu cha mẹ cháu không chung sống với nhau nữa, thì

nguyện vọng của cháu T được ở với cha là Ly Seo P, vì cha đẻ của cháu P có nhà và đất.

4. Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày ý kiến, quan điểm và đề nghị như sau:

- Về tình cảm: Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Sùng Thị C và anh Ly Seo P.

- Về con chung: Áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Giao cháu Ly Trung K sinh ngày 11/8/2013 cho chị Sùng Thị C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi; giải quyết cho anh Ly Seo P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Ly Seo T sinh ngày 14/8/2005 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Chị C và anh P không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản và quyền, nghĩa vụ tài sản: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét đến.

5. Ý kiến của Viện kiểm sát:

5.1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tòa án thụ lý, giải quyết đúng thẩm quyền. Về quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn gửi hồ sơ và gửi văn bản cho Viện kiểm sát, việc tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, về nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71, 72, 75, 76, 81, 82 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

5.2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận quan hệ giữa anh Ly Seo P và chị Sùng Thị C là vợ chồng.

- Về nuôi con khi ly hôn: Giao cháu Ly Trung K sinh ngày 11/8/2013 cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Còn cháu Ly Seo T sinh ngày 14/08/2005 giao cho anh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Chị C không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng theo quy định.

5.3. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm pháp luật: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá, nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án nguyên đơn đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về khởi kiện, thụ lý vụ án, thủ tục hòa giải, chuẩn bị xét xử và phiên tòa sơ thẩm. Tòa án đã giao các văn bản tố tụng dân sự cho bị đơn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để bị đơn có ý kiến của mình đối với các mối quan hệ về hôn nhân, về nuôi con khi ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn, nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, xâm phạm tới quyền lợi của người khác được pháp luật bảo vệ. Đồng thời, khi nhận Giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử bị đơn còn có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh P về chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền là vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đối với vụ kiện này Tòa án không tiến hành thủ tục hòa giải về mối quan hệ hôn nhân của chị C và anh P, nên việc yêu cầu xin ly hôn của chị C và việc không nhất trí ly hôn của anh P là không có căn cứ và không được Tòa án xem xét giải quyết. Trong trường hợp này Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị C và anh P là vợ chồng.

[3] Về nuôi con khi ly hôn: Trong thời gian chị C và anh P chung sống với nhau chỉ có hai người con chung là cháu Ly Seo T sinh ngày 14/8/2005 và cháu Ly Trung K sinh ngày 11/8/2013. Cháu K còn nhỏ hiện nay đang ở với chị C, còn cháu T đang học và ở nội trú tại Trường Phổ thông dân tộc bán trú xã S, huyện S, khi nhà trường cho nghỉ về nhà thì cháu T về ở với anh P. Hiện nay anh P đang ở tại ngôi nhà chung của chị C và anh P tại thôn P, xã S, huyện S, nghề nghiệp của anh P là làm ruộng, nương, thu nhập của anh P hiện nay chị C không xác định được. Còn chị C và cháu K đang ở cùng bố đẻ và mẹ kế chị C là ông Sùng Seo V và bà Hằng Thị M ở thôn P, xã S, huyện S, chị C làm ruộng, làm nương, chăn nuôi gà, trâu, thu nhập một tháng của chị C khoảng 4.000.000 đồng. Xác minh tại địa phương về nghề nghiệp, thu nhập và khả năng nuôi con của chị C và anh P đều làm ruộng, làm nương, chăn nuôi; thu nhập một tháng của chị C và anh P thì địa phương không biết chính xác được, nhưng chị C và anh P đều đủ khả năng để nuôi dưỡng được con chung. Xét về khả năng và điều kiện kinh tế, cũng như căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, thì cả chị C và anh P đều có khả năng và điều kiện nuôi dưỡng con chung bình thường, bản thân cháu T có nguyện vọng được ở với cha đẻ là anh P. Như vậy, việc chị C đề nghị Tòa án: giải quyết cho chị C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu K cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi; giải quyết cho anh P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu T đến khi cháu T đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với khoản 1,2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận. Đồng thời, sau khi cả hai anh chị không còn chung sống với nhau, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung

với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 1,3 Điều 82 và khoản 1,2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị C và anh P.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 1,2 Điều 81, khoản 1,3 Điều 82 và khoản 1,2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Sùng Thị C và anh Ly Seo P là vợ chồng.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Giao con chung cháu Ly Trung K sinh ngày 11/8/2013 cho chị Sùng Thị C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi; giao con chung cháu Ly Seo T sinh ngày 14/8/2005 cho anh Ly Seo P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Chị C và anh P không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị Sùng Thị C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AB/2012/0003706 ngày 28/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai. Chị C đã nộp đủ tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- NBVQ&LIHPCNĐ;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Si Ma Cai (2);
- CCTHADS huyện Si Ma Cai;
- Lưu: HS, THS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Tổng Duy Toán